



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN THÁC MƠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 từ trang 5 đến trang 28 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch	
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	
Ông Ninh Viết Định	Thành viên	Hết nhiệm kỳ từ ngày 28/05/2013
Ông Lưu Ngọc Mai Phi	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 28/05/2013
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

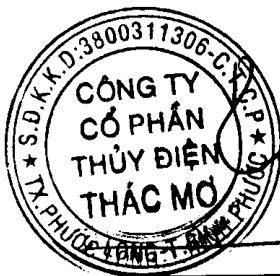
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *ku*



Nguyễn Thanh Phú
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 22 tháng 08 năm 2013



Số: 336 /2013/UHY-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 22/08/2013, trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
0798-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2013

Tô Thị Thanh Nga
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1183-2013-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		401.694.472.644	348.935.666.995
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	192.759.827.892	198.959.975.782
Tiền	111		1.020.588.268	4.166.906.431
Các khoản tương đương tiền	112		191.739.239.624	194.793.069.351
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	87.928.141.795	39.429.314.572
Đầu tư ngắn hạn	121		87.928.141.795	39.429.314.572
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114.524.007.055	105.008.439.435
Phải thu khách hàng	131		92.914.857.713	83.794.159.522
Trả trước cho người bán	132		258.365.691	213.995.150
Các khoản phải thu khác	135	6	21.743.482.506	21.392.983.618
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(392.698.855)	(392.698.855)
Hàng tồn kho	140		4.755.978.134	5.138.094.645
Hàng tồn kho	141	7	4.755.978.134	5.138.094.645
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.726.517.768	399.842.561
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		798.387.768	160.992.561
Tài sản ngắn hạn khác	158		928.130.000	238.850.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		929.163.468.090	965.846.862.497
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		606.041.799.962	666.695.194.369
Tài sản cố định hữu hình	221	8	595.728.900.080	657.215.174.219
- Nguyên giá	222		1.967.800.908.281	1.966.021.765.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.372.072.008.201)	(1.308.806.590.917)
Tài sản cố định vô hình	227	9	9.348.557.816	9.480.020.150
- Nguyên giá	228		10.069.564.760	10.069.564.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(721.006.944)	(589.544.610)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	964.342.066	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	323.121.668.128	299.151.668.128
Đầu tư vào công ty con	251		157.463.668.128	134.493.668.128
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.600.000.000	2.600.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		162.058.000.000	162.058.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.330.857.940.734	1.314.782.529.492

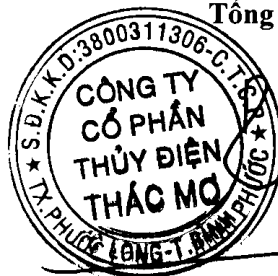
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		497.730.574.559	423.067.391.008
Nợ ngắn hạn	310		237.488.326.113	162.825.142.562
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	38.812.000.000	77.624.000.000
Phải trả người bán	312		629.433.731	11.189.879.457
Người mua trả tiền trước	313		6.468.000	923.468.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	45.951.107.762	36.979.732.520
Phải trả người lao động	315		10.761.095.807	14.950.597.630
Chi phí phải trả	316	14	21.701.101.516	10.602.511.689
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	110.874.602.744	5.951.477.016
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.752.516.553	4.603.476.250
Nợ dài hạn	330		260.242.248.446	260.242.248.446
Vay và nợ dài hạn	334	16	260.242.248.446	260.242.248.446
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		833.127.366.175	891.715.138.484
Vốn chủ sở hữu	410	17	833.127.366.175	891.715.138.484
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		9.462.026.534	5.905.440.607
Quỹ đầu tư phát triển	417		46.992.341.557	25.912.186.123
Quỹ dự phòng tài chính	418		24.215.409.893	17.074.246.893
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		52.457.588.191	142.823.264.861
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.330.857.940.734	1.314.782.529.492

Bình Phước, ngày 22 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Khánh

Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

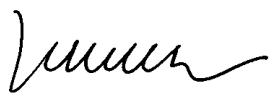
Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	196.175.253.381	205.264.382.543
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		196.175.253.381	205.264.382.543
Giá vốn hàng bán	11	19	107.223.331.843	110.127.443.597
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		88.951.921.538	95.136.938.946
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	8.604.188.407	4.696.180.318
Chi phí tài chính	22	21	20.706.769.218	32.020.701.110
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		20.706.769.218	32.020.701.110
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.840.828.380	7.221.293.611
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.008.512.347	60.591.124.543
Thu nhập khác	31	22	962.685.703	19.034.780
Chi phí khác	32	23	27.747.128	-
Lợi nhuận khác	40		934.938.575	19.034.780
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		69.943.450.922	60.610.159.323
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	17.485.862.731	14.634.502.156
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52.457.588.191	45.975.657.167
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	749	657

Bình Phước, ngày 22 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		69.943.450.922	60.610.159.323
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		64.327.195.844	64.352.815.018
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(8.604.188.407)	(4.696.180.318)
- Chi phí lãi vay	6		20.706.769.218	32.020.701.110
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		146.373.227.577	152.287.495.133
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		(10.111.563.891)	44.562.978.067
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		382.116.511	1.276.595.284
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		6.375.325.045	3.293.706.446
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(637.395.207)	160.992.559
- Tiền lãi vay đã trả	13		(22.994.278.995)	(35.095.945.977)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(17.247.534.751)	(25.979.572.966)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		100.145.490	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.896.320.197)	(2.443.454.120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		100.343.721.582	138.062.794.426
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.605.010.927)	(8.430.595.217)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.800.000.000)	(20.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.301.172.777	29.400.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.970.000.000)	(27.014.700.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.510.904.678	2.624.029.615
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(67.562.933.472)	(23.421.265.602)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(38.812.000.000)	(38.812.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(168.936.000)	(29.153.072.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.980.936.000)	(67.965.072.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.200.147.890)	46.676.456.424
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		198.959.975.782	30.995.694.710
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	192.759.827.892	77.672.151.134

Kế toán trưởng

(Chữ ký)

Huỳnh Văn Khánh

Bình Phước, ngày 22 tháng 08 năm 2013



Phòng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 44.03.000.108 ngày 01/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 38.00.311.306 đã đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Phước cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 18/06/2009 với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 08/06/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở giao dịch: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp; thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ và đường thủy;
- Trồng khai thác cây nông nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ, đường thủy;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ; du lịch./.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với hệ thống kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp” và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009 về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”), và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ được lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Trung tâm Dịch vụ và Sửa chữa Cơ điện.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2012 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố hữu hiệu lực thi hành từ ngày 10/06/2013.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.4 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối kỳ là chi phí thực hiện các hợp đồng dịch vụ chưa hoàn thành.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Tại ngày 30/06/2013, Công ty chưa tiến hành lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư tài chính đang nắm giữ.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc thiết bị	8 – 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059.

Quyền sử dụng đất của Công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian sử dụng đất.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính này của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn với tỷ lệ nhỏ hơn 20% quyền biểu quyết. Tất cả các khoản đầu tư tài chính dài hạn được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Cổ tức và lợi nhuận không kể đến các khoản cổ tức được chi trả bằng hình thức phát hành cổ phiếu, được chia từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	387.483.886	987.636.793
Tiền gửi ngân hàng	633.104.382	3.179.269.638
Các khoản tương đương tiền	191.739.239.624	194.793.069.351
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	188.239.239.624	194.793.069.351
Cho Công ty CP Thủy Điện Đăkrosa vay (**)	3.500.000.000	-
Cộng	192.759.827.892	198.959.975.782

(*) : Là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

(**): Là khoản cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăkrosa vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2013-HĐVV, số tiền vay là 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 1 tháng từ 25/06/2013 đến 25/07/2013, lãi suất 12%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 12 tháng	84.428.141.795	32.628.141.795
Cho Công ty Cổ phần Thủy Điện Đăkrosa vay	1.500.000.000	3.000.000.000
Cho Công ty CP Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ vay	2.000.000.000	3.801.172.777
Cộng	87.928.141.795	39.429.314.572

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Trả hộ BQLDA Thủy Điện Thác Mơ mở rộng	9.897.498.970	9.788.946.802
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	638.808.815	545.525.086
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk (*)	10.748.952.000	10.748.952.000
Phải thu khác	458.222.721	309.559.730
Cộng	21.743.482.506	21.392.983.618

(*) Theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk ngày 14/11/2012, Đại hội đồng Cổ đông quyết định giải thể và thanh lý tài sản của Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk và hoàn trả vốn góp cho các cổ đông góp vốn. Do đó, khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sêrêpôk được trình bày thành khoản phải thu ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30/06/2013.

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.674.621.777	3.640.858.470
Công cụ, dụng cụ	319.740.224	545.233.987
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	761.616.133	952.002.188
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	4.755.978.134	5.138.094.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện, vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2013	1.242.435.277.754	597.935.083.753	114.901.676.652	10.749.726.977	1.966.021.765.136
- Mua trong kỳ	-	2.981.560.000	457.112.727	117.913.200	3.556.585.927
- Giảm khác (*)	(47.293.245)	(283.138.601)	(33.000.000)	(1.414.010.936)	(1.777.442.782)
Tại 30/06/2013	1.242.387.984.509	600.633.505.152	115.325.789.379	9.453.629.241	1.967.800.908.281
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại 01/01/2013	688.685.240.588	522.092.933.015	88.676.248.520	9.352.168.794	1.308.806.590.917
- Khấu hao trong kỳ	21.385.898.986	36.906.024.589	5.742.816.145	160.993.790	64.195.733.510
- Giảm khác (*)	(41.749.007)	(252.714.822)	(29.450.313)	(606.402.084)	(930.316.226)
Tại 30/06/2013	710.029.390.567	558.746.242.782	94.389.614.352	8.906.760.500	1.372.072.008.201
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013	553.750.037.166	75.842.150.738	26.225.428.132	1.397.558.183	657.215.174.219
Tại 30/06/2013	532.358.593.942	41.887.262.370	20.936.175.027	546.868.741	595.728.900.080

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 297.864.450.040 đồng

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30/06/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.603.095.586 đồng

(*) Chuyển các tài sản cố định hữu hình không đủ điều kiện ghi nhận theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất với 3 thửa đất tại Phước Long, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 34 năm, từ ngày 01/09/2009 đến ngày 15/10/2043. Tại ngày 30/06/2013, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 5.803.347.185 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 503.342.784 đồng, Giá trị còn lại là 5.300.004.401 đồng.
- Quyền sử dụng đất tại Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước. Công ty được giao đất trong 50 năm, từ ngày 07/09/2009 đến ngày 07/12/2059. Tại ngày 30/06/2013, Nguyên giá của quyền sử dụng đất này là 4.266.217.575 đồng, Giá trị hao mòn lũy kế là 217.664.160 đồng, Giá trị còn lại là 4.048.553.415 đồng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	964.342.066	-
Trong đó:		
+ Đại tu trạm OPY 110KV	161.823.787	-
+ Trung tu tổ máy số 1	802.518.279	-

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 30/06/2013		Tại 01/01/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ %
Đầu tư vào Công ty con	4.827.270		4.827.270	
Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên		99,73		99,65
Công ty CP Thủy điện Đắkrosa	4.827.270	60,69	4.827.270	60,69
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty CP Phong điện Thuận Bình		20		20
Đầu tư dài hạn khác	13.610.000		13.610.000	
Công ty CP Cơ điện Đồng Nai	110.000	10	110.000	10
Công ty CP Thủy điện Sêsan 4				
Công ty CP Đầu tư Khai thác Hồ Thủy Điện Thác Mơ				
Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3	13.500.000	3
Cộng	18.437.270		18.437.270	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	38.812.000.000	77.624.000.000
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	21.312.000.000	42.624.000.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (*)	17.500.000.000	35.000.000.000

(*) Xem thêm tại thuyết minh số 16.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Thuế GTGT	4.050.615.781	1.707.024.455
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.707.654.845	14.469.326.865
Thuế thu nhập cá nhân	46.642.900	78.284.350
Thuế tài nguyên	1.698.473.996	1.791.293.790
Các loại thuế khác (*)	25.447.720.240	18.933.803.060
Cộng	45.951.107.762	36.979.732.520

(*) Là khoản phí dịch vụ môi trường rừng.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Lãi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.900.939.413	3.786.261.690
Lãi vay Công ty tài chính Cổ phần Điện lực	5.414.062.499	6.816.249.999
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	13.386.099.604	-
Cộng	21.701.101.516	10.602.511.689

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	-	65.220.060
Phải trả cổ tức cho cổ đông	109.882.138.412	5.048.794.412
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Điện 3	112.000.000	112.000.000
Các khoản phải trả khác	880.464.332	725.462.544
Cộng	110.874.602.744	5.951.477.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	260.242.248.446	260.242.248.446
- Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam (1)	85.242.248.446	85.242.248.446
- Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (2)	175.000.000.000	175.000.000.000
Cộng	260.242.248.446	260.242.248.446

(1) Là khoản vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 01/EVN- Thác Mơ/TCKT ngày 02/01/2009 với mục đích điều chỉnh cơ cấu vốn Nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày 01/01/2008 đến ngày 10/10/2015, tiền gốc và lãi vay được trả mỗi năm 2 kỳ. Từ năm 2011 đến năm 2015, lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng, trả lãi sau theo lãi suất bình quân của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn cộng chi phí biên 2,5%/năm.

(2) Là khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 04/2008/HĐTD - TCĐL ngày 09/10/2008 với mục đích tái cơ cấu nguồn vốn vay sau cổ phần hóa. Thời hạn vay tối đa 10 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu tiên, gốc và lãi được trả 3 tháng/lần từ ngày 11/04/2009.

Từ 11/07/2010 trở đi, lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãi trả sau của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, cộng với lãi suất biên 3%/năm.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 700.000.000.000 đồng, chia thành 70.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông nhà nước nắm giữ 36.341.500 cổ phần tương ứng với 363.415.000.000 đồng, chiếm 51,92% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 33.658.500 cổ phần tương ứng với 336.585.000.000 đồng, chiếm 48,08% vốn điều lệ.

17.1 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành, góp vốn đầy đủ	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
+ Cổ phiếu thường	70.000.000	70.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu):</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Khu 5, P. Thác Mơ, Phước Long, Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**17.2 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2012	700.000.000.000	4.796.550.607	17.587.513.756	13.350.154.189	74.481.854.071	810.216.072.623
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	142.823.264.861	142.823.264.861
Phân phối lợi nhuận năm 2011	-	-	9.433.562.367	3.724.092.704	(13.157.655.071)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.324.199.000)	(5.324.199.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	(56.000.000.000)	(56.000.000.000)
Chuyển nguồn vốn	-	1.108.890.000	(1.108.890.000)	-	-	-
Tại 31/12/2012	700.000.000.000	5.905.440.607	25.912.186.123	17.074.246.893	142.823.264.861	891.715.138.484
Tại 01/01/2013	700.000.000.000	5.905.440.607	25.912.186.123	17.074.246.893	142.823.264.861	891.715.138.484
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	52.457.588.191	52.457.588.191
Phân phối lợi nhuận năm 2012	-	-	24.636.741.361	7.141.163.000	(31.777.904.361)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(6.045.360.500)	(6.045.360.500)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2012 (*)	-	-	-	-	(105.000.000.000)	(105.000.000.000)
Chuyển nguồn vốn (**)	-	3.556.585.927	(3.556.585.927)	-	-	-
Tại 30/06/2013	700.000.000.000	9.462.026.534	46.992.341.557	24.215.409.893	52.457.588.191	833.127.366.175

(*) Thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/NQ-TMHPC- ĐHĐCĐ ngày 28/05/2013 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

(**) Tăng Vốn khác của chủ sở hữu đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh được hình thành từ Quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	196.175.253.381	205.264.382.543
Trong đó:		
+ Doanh thu bán điện	190.642.367.949	200.550.952.604
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.532.885.432	4.713.429.939

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	102.656.212.425	106.173.255.044
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.567.119.418	3.954.188.553
Cộng	107.223.331.843	110.127.443.597

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.604.188.407	4.696.180.318
Cộng	8.604.188.407	4.696.180.318

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền vay dài hạn	20.706.769.218	32.020.701.110
Cộng	20.706.769.218	32.020.701.110

22. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Cho thuê mặt bằng	954.318.181	-
Thu nhập khác	8.367.522	19.034.780
Cộng	962.685.703	19.034.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí khác	27.747.128	-
Cộng	27.747.128	-

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	69.943.450.922
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-
Tổng thu nhập chịu thuế	69.943.450.922
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	17.485.862.731
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	17.485.862.731

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 là số liệu tạm tính. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được quyết toán chính thức vào cuối năm tài chính 2013.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	52.457.588.191
Số điều chỉnh giảm	-
Số điều chỉnh tăng	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	52.457.588.191
Số cổ phiếu bình quân	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.741.136.638	1.608.648.019
Chi phí nhân công	14.105.608.655	15.249.002.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.327.195.844	64.352.815.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	989.324.532	989.441.302
Chi phí khác bằng tiền	33.668.286.599	34.191.433.521
Cộng	114.831.552.268	116.391.340.135

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh điện và các dịch vụ khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2013

	Kinh doanh điện	Các lĩnh vực khác	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	190.642.367.949	5.532.885.432	196.175.253.381
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	190.642.367.949	5.532.885.432	196.175.253.381
Chi phí bộ phận	102.656.212.425	4.567.119.418	107.223.331.843
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	87.986.155.524	965.766.014	88.951.921.538
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(7.840.828.380)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			81.111.093.158
Doanh thu hoạt động tài chính			8.604.188.407
Chi phí tài chính			(20.706.769.218)
Thu nhập khác			962.685.703
Chi phí khác			(27.747.128)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(17.485.862.731)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			52.457.588.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 30/06/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	192.759.827.892	198.959.975.782
Đầu tư ngắn hạn	87.928.141.795	39.429.314.572
Phải thu khách hàng	92.522.158.858	83.401.460.667
Các khoản phải thu khác	21.743.482.506	21.392.983.618
Đầu tư dài hạn	162.058.000.000	162.058.000.000
Cộng	557.011.611.051	505.241.734.639
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	629.433.731	11.189.879.457
Vay và nợ	299.054.248.446	337.866.248.446
Chi phí phải trả	21.701.101.516	10.602.511.689
Các khoản phải trả khác	110.874.602.744	5.951.477.016
Cộng	432.259.386.437	365.610.116.608

TÀI SẢN ĐẢM BẢO***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác***

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30/06/2013.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 30/06/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	629.433.731	-	-	629.433.731
Vay và nợ	38.812.000.000	225.242.248.446	35.000.000.000	299.054.248.446
Chi phí phải trả	21.701.101.516	-	-	21.701.101.516
Các khoản phải trả khác	110.874.602.744	-	-	110.874.602.744
Cộng	172.017.137.991	225.242.248.446	35.000.000.000	432.259.386.437
Tại 01/01/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	11.189.879.457	-	-	11.189.879.457
Vay và nợ	77.624.000.000	225.242.248.446	35.000.000.000	337.866.248.446
Chi phí phải trả	10.602.511.689	-	-	10.602.511.689
Các khoản phải trả khác	5.951.477.016	-	-	5.951.477.016
Cộng	105.367.868.162	225.242.248.446	35.000.000.000	365.610.116.608

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 30/06/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	192.759.827.892	-	-	192.759.827.892
Đầu tư ngắn hạn	87.928.141.795	-	-	87.928.141.795
Phải thu khách hàng	92.522.158.858	-	-	92.522.158.858
Các khoản phải thu khác	21.743.482.506	-	-	21.743.482.506
Đầu tư dài hạn			162.058.000.000	162.058.000.000
Cộng	394.953.611.051	-	162.058.000.000	557.011.611.051
Tại 01/01/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	198.959.975.782	-	-	198.959.975.782
Đầu tư ngắn hạn	39.429.314.572	-	-	39.429.314.572
Phải thu khách hàng	83.401.460.667	-	-	83.401.460.667
Các khoản phải thu khác	21.392.983.618	-	-	21.392.983.618
Đầu tư dài hạn			162.058.000.000	162.058.000.000
Cộng	343.183.734.639	-	162.058.000.000	505.241.734.639

29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu với các bên liên quan	190.642.367.949	200.794.581.454
- Doanh thu bán hàng với Công ty mua bán điện	190.642.367.949	200.550.952.604
- Doanh thu thí nghiệm điện cho Công ty CP Thủy Điện Đăkrosa	-	243.628.850
Chi phí với các bên liên quan	20.706.769.218	32.020.701.110
- Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	7.518.331.718	13.094.869.165
- Chi phí lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần điện lực	13.188.437.500	18.925.831.945
Góp vốn vào bên liên quan	23.970.000.000	25.872.000.000
- Góp vốn vào Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên	22.970.000.000	25.672.000.000
- Góp vốn vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	1.000.000.000	200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	Tại 30/06/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Các khoản phải thu	87.927.519.474	80.180.750.163
- Công ty mua bán điện	86.991.783.335	79.245.014.024
- Công ty CP Thủy Điện Đăkrosa	935.736.139	935.736.139
Các khoản phải trả	112.000.000	112.000.000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	112.000.000	112.000.000
Các khoản vay	299.054.248.446	337.866.248.446
- Vay của Tập đoàn Điện lực	106.554.248.446	127.866.248.446
- Vay của Công ty tài chính CP Điện lực	192.500.000.000	210.000.000.000
Chi phí phải trả	8.315.001.912	10.602.511.689
- Lãi vay phải trả Tập đoàn Điện lực	2.900.939.413	3.786.261.690
- Lãi vay phải trả Công ty tài chính CP Điện lực	5.414.062.499	6.816.249.999
Các khoản cho vay	5.000.000.000	3.000.000.000
- Cho Công ty CP Thủy Điện Đăkrosa vay	5.000.000.000	3.000.000.000

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

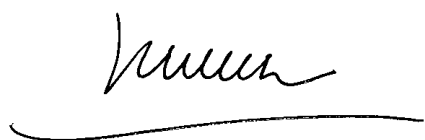
	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	144.000.000	216.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	78.600.000	78.600.000
Cộng	222.600.000	294.600.000

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu tại ngày 01/01/2013 trên Bảng cân đối kế toán là số liệu đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 là số liệu báo cáo của Công ty đã được soát xét.

Bình Phước, ngày 22 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh



Nguyễn Thanh Phú